

Số: 59/2025/QĐST-DS Thành phố T, ngày 13 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1867/2023/TLST – DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A1

Địa chỉ: Số C + E N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Thanh B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Căn A tầng A M khu A, T, Cầu G, Hà Nội, phường T, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Trọng B1, sinh năm 1975

- Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1989

- Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà V, số D T, phường T, quận N, Hà Nội

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1933

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1936

Cùng địa chỉ: B khu phố A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1941

Địa chỉ: B khu phố A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Tô Thị C1, sinh năm 1956

Địa chỉ: G Đường số D, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Lê Thái Đ1, sinh năm 1954

- Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1957
Cùng địa chỉ: 1 P, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền:
- Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1982
- Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1976
Cùng địa chỉ: 4 D, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận thuê quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 18/9/2017 ký giữa bên cho thuê là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M, ông Lê Thái Đ1, bà Nguyễn Thị Minh N, ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị C1 và bên thuê là Chi nhánh tại miền N Công ty Cổ phần A1.

- Chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số công chứng 14880 ngày 18/9/2017 giữa bên cho thuê ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị Minh N được ủy quyền ký với bên thuê là Chi nhánh tại miền N Công ty Cổ phần A1.

- Chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 14879 ngày 18/9/2017 giữa bên cho thuê ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị Minh N được ủy quyền ký với bên thuê là Chi nhánh tại miền N Công ty Cổ phần A1.

- Chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 14878 ngày 18/9/2017 giữa bên cho thuê ông Lê Thái Đ1, bà Nguyễn Thị Minh N ký với bên thuê là Chi nhánh tại miền N Công ty Cổ phần A1.

- Chấm dứt Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 14877 ngày 18/9/2017 giữa bên cho thuê ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị C1 do bà Nguyễn Thị Minh N được ủy quyền ký với bên thuê là Chi nhánh tại miền N Công ty Cổ phần A1.

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị C1, ông Lê Thái Đ1 và bà Nguyễn Thị Minh N có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần A1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), trả một lần vào ngày 07/01/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án trên khoảng thời gian chưa thi hành án.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị C1, ông Lê Thái Đ1 và bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu và đã thực hiện xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn B2, bà Tô Thị C1, ông Lê Thái Đ1 và bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu số tiền án phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nhưng được miễn nộp do thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty Cổ phần A1 phải chịu số tiền án phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp là 58.183.963 đồng (Năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067817 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, trả lại cho Công ty Cổ phần A1 52.183.963 đồng (Năm mươi hai triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Thu Hiền